TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **38/**2025/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 04 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 56/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Vương Đình S, sinh ngày 10/01/1993. Căn cước công dân số 046093014XXX, cấp ngày 28/6/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Bộ Công an; Nơi cư trú: Thôn P, xã C, thành phố Huế.

- Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 10/9/1993. Căn cước công dân số 046193011XXX, cấp ngày 28/6/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; Nơi cư trú: Thôn P, xã C, thành phố Huế.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Anh Vương Đình S và chị Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn vào ngày 14/8/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai (nay là xã K, tỉnh Gia Lai) trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh Vương Đình S và chị Nguyễn Thị L là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống với nhau không hạnh phúc, hai vợ chồng đã sống ly thân lâu nay, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, đoàn tụ được.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Vương Đình S và chị Nguyễn Thị L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa anh

Vương Đình S và chị Nguyễn Thị L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vương Đình S và chị Nguyễn Thị L.

[2]. Về con chung và việc nuôi con: Anh Vương Đình S và chị Nguyễn Thị L công nhận vợ chồng có 02 người con chung là Vương Đình Minh Q, sinh ngày 22/5/2016 và Vương Đình Minh H, sinh ngày 03/10/2020. Hai bên thỏa thuận giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vương Đình Minh H, giao cho anh Vương Đình S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vương Đình Minh Q, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Anh Vương Đình S và chị Nguyễn Thị L trình bày vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Vương Đình S và chị Nguyễn Thị L trình bày vợ chồng tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vương Đình S và chị Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung và việc nuôi con: Anh Vương Đình S và chị Nguyễn Thị L công nhận vợ chồng có 02 người con chung là Vương Đình Minh Q, sinh ngày 22/5/2016 và Vương Đình Minh H, sinh ngày 03/10/2020. Hai bên thỏa thuận giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vương Đình Minh H, giao cho anh Vương Đình S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vương Đình Minh Q, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh Vương Đình S và chị Nguyễn Thị L trình bày vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Vương Đình S và chị Nguyễn Thị L trình bày vợ chồng tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: là 300.000 đồng, anh Vương Đình S và chị Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà anh Vương Đình S đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án có ký hiệu

BLTU/25, số: 0000244 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế và số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà chị Nguyễn Thị L đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án có ký hiệu BLTU/25, số: 0000235 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4-Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND xã K, tỉnh Gia Lai (ĐKKH ngày 14/8/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu dán án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú